

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 477/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 02 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ**

CÔNG TY TNHH MTV  
LÂM NGHIỆP TRẦM HƯƠNG

**ĐẾN** Số: 87  
Ngày: 09/02  
Chuyên: Giám đốc

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số: 310 /TTr-STC ngày 25 / 01 /2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tài nguyên – Môi trường, Lao động – Thương binh và Xã hội, Tư pháp; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, HB, HN, Tle.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Sơn Hải  
2

**QUY CHẾ**

**Quản lý tài chính Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 433/QĐ-UBND*

*ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

**CHƯƠNG I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Quy chế này quy định cơ chế tài chính áp dụng đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội.

2. “Nghị định số 91/2015/NĐ-CP” là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

3. “Thông tư số 219/2015/TT-BTC” là Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

4. “Quyết định số 3508/QĐ-UBND” là Quyết định số 3508/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Trầm Hương, Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

5. “Thông tư số 52/2015/TT-BTC” là Thông tư số 52/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số chính sách đặc thù đối với Công ty nông, lâm nghiệp sau khi hoàn thành sắp xếp, đổi mới.

6. “Công ty” là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.

7. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Trầm Hương được ban hành kèm theo Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

8. “Cơ quan đại diện chủ sở hữu” là Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

## **CHƯƠNG II**

### **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

#### **Mục I**

### **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN TẠI CÔNG TY**

#### **Điều 3. Vốn điều lệ của Công ty**

1. Vốn điều lệ là số vốn do Chủ sở hữu duyệt và cấp, được ghi vào Điều lệ Công ty. Theo đề án sắp xếp Công ty được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3508/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương, nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, vốn điều lệ của Công ty là 50.748.000.000 đồng (Năm mươi tỷ bảy trăm bốn mươi tám triệu đồng).

2. Căn cứ quy mô, công suất thiết kế đối với ngành, nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của Công ty; chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, phù hợp với ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty; phương án sản xuất, kinh doanh của Công ty; Công ty lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh mức vốn điều lệ báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Phương thức xác định vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

4. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị đầu tư bổ sung vốn điều lệ và cấp bổ sung vốn điều lệ cho Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

#### **Điều 4. Huy động vốn**

1. Công ty được quyền vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, vay của tổ chức, cá nhân ngoài Công ty, của người lao động, phát hành trái phiếu Công ty và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc huy động vốn:

a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Công ty được chủ sở hữu phê duyệt;

b) Phương án huy động vốn phải bảo đảm khả năng thanh toán nợ;

c) Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra bảo đảm vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả;

Công ty sử dụng vốn vay đúng mục đích, tự chịu mọi rủi ro và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình huy động, quản lý, sử dụng vốn vay và trả nợ đúng hạn. Nhà nước không chịu trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ đối

với các khoản nợ do Công ty trực tiếp vay, trừ các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh;

d) Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; trường hợp vay vốn từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư phát triển và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, vay hoặc phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan;

Công ty được trực tiếp vay vốn nước ngoài theo phương thức tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bên cho vay nước ngoài theo đúng các điều kiện đã cam kết trong các thỏa thuận vay. Điều kiện, trình tự, thủ tục xem xét chấp thuận khoản vay nước ngoài của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của Công ty không được Chính phủ bảo lãnh. Khoản vay nước ngoài của Công ty phải nằm trong hạn mức vay nợ nước ngoài của quốc gia hàng năm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và phải được đăng ký và xác nhận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định hiện hành;

e) Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

### 3. Thẩm quyền huy động vốn:

a) Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Việc huy động vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh phải bảo đảm tổng số nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn. Trong đó:

- Vốn chủ sở hữu ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty được xác định không bao gồm chỉ tiêu “nguồn kinh phí và quỹ khác”.

- Nợ phải trả ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty được xác định không bao gồm các chỉ tiêu: “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”, “Quỹ bình ổn giá”, “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ”.

b) Trường hợp huy động vốn trên mức quy định tại điểm a khoản này, huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.

4. Trường hợp Công ty sử dụng vốn huy động không đúng mục đích, huy động vốn vượt mức quy định nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định hoặc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý trách nhiệm của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Bảo toàn vốn tại Công ty**

1. Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Công ty. Mọi biến động về tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư vào Công ty, Công ty phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát.

2. Việc bảo toàn vốn nhà nước tại Công ty được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây: dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng các khoản phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp, Công ty thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2011, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); trích lập dự phòng rủi ro đối với rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định tại Thông tư số 52/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số chính sách đặc thù đối với Công ty nông, lâm nghiệp sau khi hoàn thành sắp xếp, đổi mới.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn nhà nước tại Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Định kỳ hàng năm Công ty phải đánh giá mức độ bảo toàn vốn của Công ty, phương pháp đánh giá như sau:

a) Sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của Công ty không phát sinh lỗ hoặc có lãi, Công ty bảo toàn vốn.

b) Trường hợp sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ (bao gồm trường hợp còn lỗ lũy kế), Công ty không bảo toàn được vốn.

Lãi, lỗ của Công ty làm căn cứ đánh giá mức độ bảo toàn vốn là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và thu nhập khác trừ (-) tổng các khoản chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty (bao gồm cả khoản trích lập dự phòng theo quy định). Nếu số chênh lệch dương Công ty có lãi, nếu số chênh lệch âm Công ty bị lỗ, nếu không có chênh lệch Công ty không phát sinh lãi, lỗ.

#### **Điều 6. Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của Công ty**

1. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định của Công ty:

a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Công ty, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

b) Trường hợp dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức quy định tại điểm a khoản này, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.

2. Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật. Trong đó:

a) Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định do Công ty thực hiện, quá trình đầu tư xây dựng phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định bên ngoài đưa về sử dụng, Công ty phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Đối với việc đầu tư, mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại (xe ô tô) phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo và phục vụ công tác chung, Công ty phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức mua sắm, sử dụng phục vụ công tác bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Người quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu quyết định không đúng thẩm quyền hoặc tài sản cố định được đầu tư, xây dựng, mua, bán không sử dụng được, sử dụng không hiệu quả.

#### **Điều 7. Đầu tư vốn Nhà nước vào Công ty thuộc lĩnh vực đầu tư công**

1. Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trung hạn (5 năm) và kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng hàng năm của Công ty được Nhà nước đầu tư vốn 100% theo Luật Đầu tư công.

2. Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, hoạt động đầu tư công phải tuân thủ quy định của Luật đầu tư công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

### **Điều 8. Quản lý, sử dụng tài sản cố định**

1. Thực hiện theo quy chế quản lý, sử dụng tài sản cố định do Công ty ban hành.

2. Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn.

### **Điều 9. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản**

1. Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật, trong đó:

a) Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định cho thuê tài sản nhưng giá trị còn lại của tài sản cho thuê không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản của Công ty để thế chấp, cầm cố vay vốn thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quy chế này.

2. Khi cho thuê, cầm cố, thế chấp những tài sản trực tiếp phục vụ nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích của Công ty phải được sự chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật Dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 10. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định**

1. Công ty được quyền chủ động và thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại dưới 50% vốn chủ sở hữu ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của

Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty thì Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định.

b) Khi nhượng bán những tài sản trực tiếp phục vụ nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích của Công ty phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

c) Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định của Công ty không có khả năng thu hồi đủ vốn đã đầu tư, Công ty phải giải trình rõ nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.

d) Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư, mua sắm đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong thời gian 03 năm đầu nhưng không đạt hiệu quả kinh tế theo dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư dẫn tới Công ty không trả được nợ vay theo kế ước hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xử lý theo quy định của pháp luật.

e) Đối với các tài sản cố định hư hỏng, mất mát khi chưa khấu hao hết, phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan để xử lý, bồi thường. Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty quyết định mức bồi thường.

### 3. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Công ty thực hiện việc nhượng bán tài sản cố định bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán từ dưới 100 triệu đồng, Chủ tịch kiêm Giám đốc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì Công ty được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên.

b) Trường hợp chuyển nhượng tài sản cố định gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

### 4. Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản:

a) Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty quyết định thành lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định tại Công ty. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch kiêm Giám đốc, Kế toán trưởng, các trưởng phòng có liên quan; đại diện Ban Chấp hành công đoàn cơ sở tại Công ty và một số chuyên gia am hiểu về tính năng kỹ thuật của tài sản cố định (nếu cần). Nhiệm vụ của Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của Công ty gồm:

- Xác định thực trạng về kỹ thuật, giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán;

- Xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đến trường hợp tài sản cố định mới đầu tư không mang lại hiệu quả kinh tế phải nhượng bán nhưng không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư, tài sản chưa khấu hao hết đã bị hư hỏng không thể sửa chữa được phải thanh lý, nhượng bán để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xử lý theo quy định;

- Tổ chức xác định hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị có thể thu được của tài sản thanh lý, nhượng bán;

- Tổ chức bán đấu giá hoặc thuê tổ chức có chức năng bán đấu giá các loại tài sản thanh lý nhượng bán theo quy định của pháp luật có liên quan;

- Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản tự kết thúc hoạt động sau khi hoàn tất việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của Công ty.

b) Trường hợp khi Công ty thực hiện dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty phải dỡ bỏ hoặc hủy bỏ tài sản cố định cũ thì việc thanh lý và hạch toán tài sản cố định cũ khi dỡ bỏ hoặc hủy bỏ của Công ty thực hiện như đối với trường hợp thanh lý tài sản cố định quy định tại Điều này.

### **Điều 11. Quản lý nợ phải thu, quản lý nợ phải trả**

Thực hiện theo Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và theo Quy chế quản lý nợ của Công ty ban hành năm 2014.

## **Mục II**

### **QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 12. Quản lý doanh thu, thu nhập khác và chi phí của Công ty**

1. Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu và trước pháp luật trong việc tổ chức quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo

quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Công ty theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

3. Doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty được xác định bằng đồng Việt Nam, trường hợp thu hoặc chi bằng ngoại tệ phải quy đổi về đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Công ty phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh, tự trang trải mọi khoản chi phí bằng các khoản thu của Công ty và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Việc xác định doanh thu, thu nhập và chi phí để xác định nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 13. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận của Công ty nhà nước sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Trích quỹ đặc thù từ phần lợi nhuận sau thuế TNDN bằng khoản chênh lệch giữa định mức chi phí trồng rừng tại thời điểm khai thác và giá vốn trồng rừng được theo dõi trên sổ sách kế toán để tăng vốn kinh doanh bù đắp vốn cho hoạt động trồng lại rừng trên diện tích đã khai thác.

b) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

c) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp:

- Công ty xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

d) Trích quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên:

- Công ty xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;

- Công ty xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;

- Công ty xếp loại C hoặc Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên.

e) Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển quy định tại Điểm b Khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên theo mức quy định thì Công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

f) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản này được nộp về ngân sách nhà nước.

#### 4. Về tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập các quỹ:

- Đối với trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi Công ty nhà nước: căn cứ quỹ tiền lương thực hiện trong năm tài chính của người lao động của Công ty được xác định theo quy định tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) chia (:) cho 12 tháng.

- Đối với trích quỹ thưởng Người quản lý Công ty, kiểm soát viên: căn cứ quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý (chuyên trách và không chuyên trách) được xác định theo quy định của Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), chia (:) cho 12 tháng.

### **Điều 14. Quản lý và sử dụng các quỹ**

1. Việc sử dụng các quỹ của Công ty phải đúng mục đích, đúng đối tượng.

a) Công ty phải xây dựng, ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ Công ty; Quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn Công ty và công khai trong Công ty trước khi thực hiện.

b) Trong năm tài chính, Công ty chủ động thực hiện tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển Công ty và bổ sung vốn điều lệ cho Công ty.

3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động trong Công ty (bao gồm cả người quản lý Công ty làm việc theo hợp đồng lao động). Không dùng quỹ khen thưởng của Công ty để chi thưởng cho đối tượng là người quản lý Công ty, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm (trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng).

b) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

c) Mức thưởng do Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty quyết định được ghi trong Quy chế quản lý sử dụng quỹ của Công ty.

4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động trong Công ty bao gồm cả người quản lý Công ty, kiểm soát viên làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý Công ty, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm.

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

e) Mức chi sử dụng quỹ do Chủ tịch kiêm Giám đốc quyết định, được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của Công ty.

5. Quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên được sử dụng để:

a) Thưởng hàng năm; thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty.

Mức thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý Công ty, Kiểm soát viên và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty.

b) Trường hợp Chủ tịch kiêm Giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi

đưa khen thưởng thì Công ty sử dụng nguồn quỹ khen thưởng của Công ty để chỉ thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.

### **Mục III**

## **KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN**

### **Điều 15. Kế hoạch tài chính**

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng của Công ty đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định.

2. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực của Công ty và nhu cầu thị trường, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo và do Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty quyết định.

3. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty quyết định, Công ty thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa trước ngày 31 tháng 7 hàng năm để xem xét, phê duyệt theo quy định.

Biểu mẫu báo cáo Công ty lập theo Phụ lục 1A “Báo cáo Kế hoạch Tài chính” ban hành kèm theo Thông tư số 219/2015/TT-BTC.

### **Điều 16. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán**

Công ty phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính. Báo cáo tài chính năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi nộp cho cơ quan nhà nước và trước khi công khai.

### **Điều 17. Báo cáo tài chính, thống kê và các báo cáo khác**

1. Cuối kỳ kế toán (quý, năm), Công ty phải lập, trình bày, gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cho các cơ quan nhà nước theo quy định tại Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính; và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

2. Ngoài các báo cáo tài chính, thống kê định kỳ lập và gửi theo quy định nêu trên, Công ty phải thực hiện lập, gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước; trường hợp

Công ty có khoản vay trong nước và vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh, Công ty phải thực hiện lập và gửi báo cáo theo các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý nợ được Chính phủ bảo lãnh.

### **CHƯƠNG III**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 18. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này gồm 3 Chương 19 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu ký quyết định phê duyệt.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty và đóng dấu Công ty mới có giá trị pháp lý.

##### **Điều 19. Triển khai thực hiện**

1. Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty căn cứ Quy chế tài chính này chỉ đạo Công ty thực hiện theo quy định.

2. Ngoài việc thực hiện các quy định trong Quy chế tài chính này, Công ty phải thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý tài chính đối với Công ty nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trong trường hợp các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý tài chính đối với Công ty nhà nước thay đổi, những quy định tại Quy chế tài chính này chưa kịp sửa đổi thì Công ty phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Sơn Hải**